

XU HƯỚNG FTA KHU VỰC VÀ TOÀN CẦU THẾ KỶ 21 THAM GIA CỦA VIỆT NAM CƠ HỘI & THÁCH THỨC

Người trình bày: Dương Hoài Nam

**Phó Vụ trưởng, Vụ Hợp tác Kinh tế Đa phương
BỘ NGOẠI GIAO**

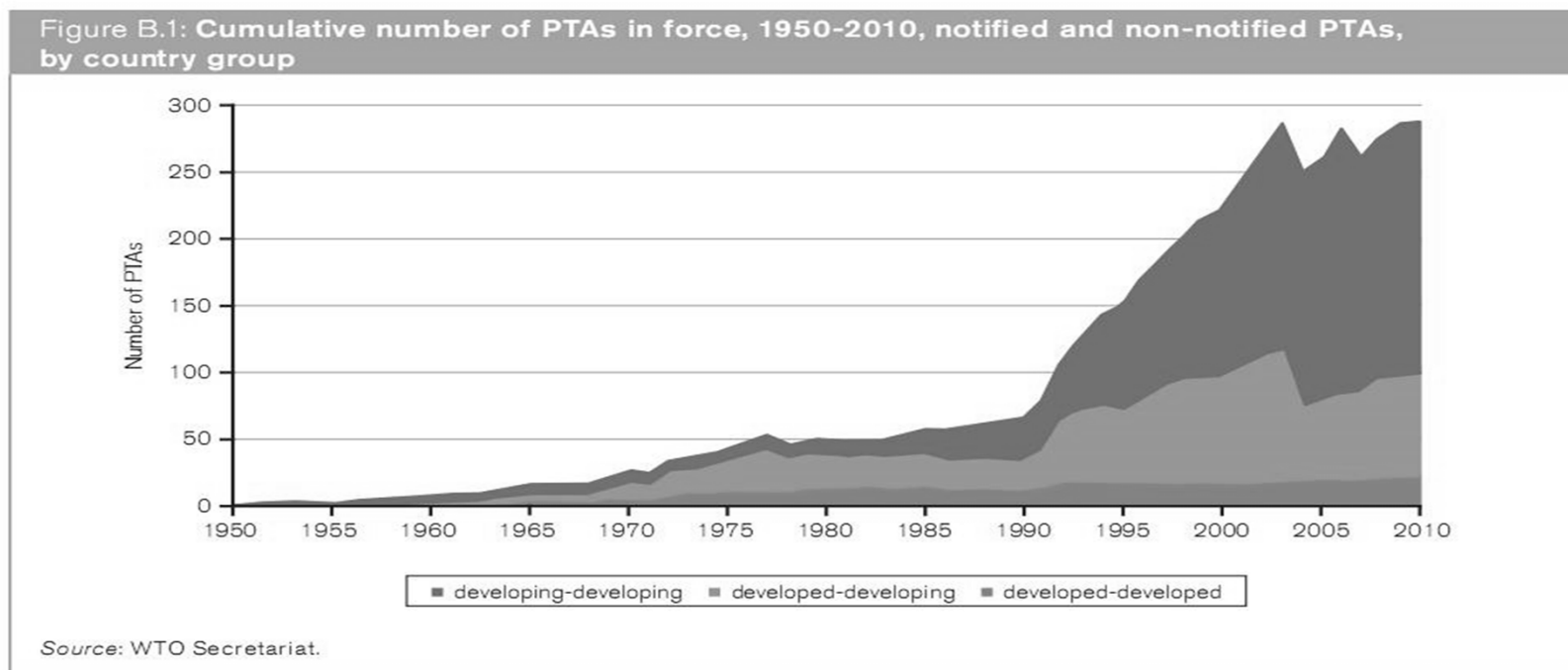
NỘI DUNG TRÌNH BÀY GỒM 4 PHẦN CHÍNH:

- I. XU HƯỚNG, CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO (FTA) HIỆN NAY
- II. SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM - NHỮNG LỢI ÍCH VÀ HẠN CHẾ
- III. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP SÂU RỘNG VÀ TOÀN DIỆN
- IV. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẦN TRIỂN KHAI TRONG THỜI GIAN TỚI

I. XU HƯỚNG, CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO (FTA) HIỆN NAY

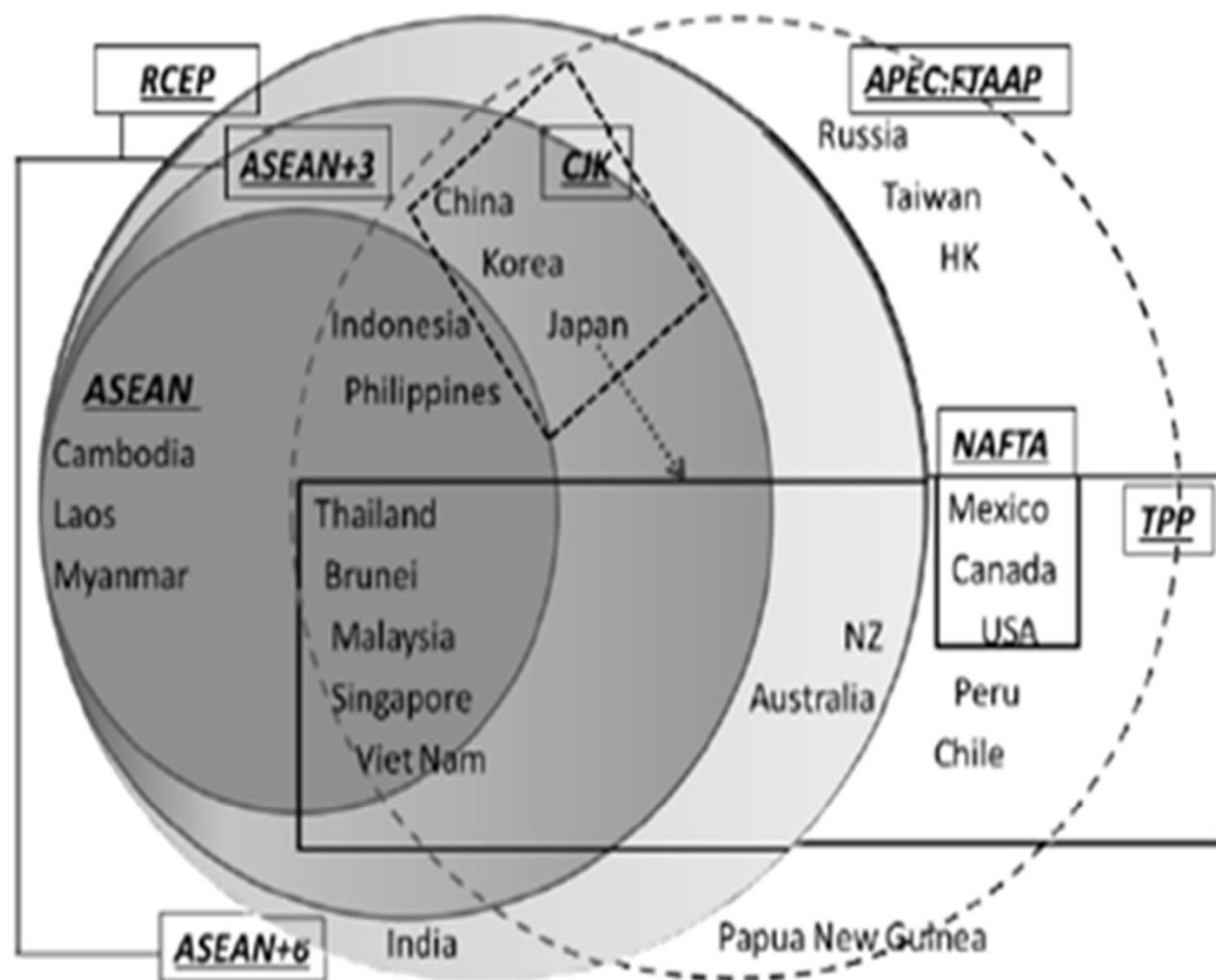
1. FTA đã trở thành một trào lưu chung trên thế giới trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế. FTA được hiểu không chỉ là các Hiệp định thương mại tự do, mà bao gồm cả các Hiệp định thương mại khu vực (RTA), các Thỏa thuận thương mại ưu đãi (PTA), bản chất là các hiệp định chỉ dành ưu đãi thương mại cho các nước thành viên. Xu hướng này thể hiện qua các điểm sau:

- ***Số lượng FTA trên thế giới tăng nhanh chóng***
Theo thống kê của WTO, tính đến ngày 10/01/2013, đã có tổng cộng 546 FTA/RTA được thông báo cho WTO, trong đó 354 FTA có hiệu lực. Số lượng FTA/RTA tăng mạnh, đặc biệt từ đầu thập niên 1990. Đến nay, mỗi nước thành viên WTO hiện tham gia khoảng 13 FTA khác nhau, so với năm 1990 mỗi nước chỉ tham gia trung bình 2 FTA.



- ***Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương dẫn đầu xu thế FTA.*** Theo Jayant Menon, từ năm 2000 đến năm 2004, số lượng FTA được đề xuất, đang đàm phán hoặc đã ký kết tăng gấp hơn 2 lần, từ 55 lên 132 FTA; đến tháng 01/2013 con số này lại tăng gấp đôi, lên 257 FTA, trong đó 132 hiệp định đã ký kết, 109 hiệp định có hiệu lực. Hiện nay các nước lớn, nhất là Hoa Kỳ, Trung Quốc, muốn thúc đẩy việc hình thành Khu vực thương mại tự do toàn Châu Á - TBD (FTAAP), trong đó Hoa Kỳ muốn thúc đẩy FTAAP từ Hiệp định TPP, Trung Quốc muốn thông qua APEC.
- ***Một số nước tại khu vực Châu Á là thành viên của hàng chục FTA.*** Tính đến cuối 2013, Singapore là nước đi đầu (đã thực hiện/hoàn tất đàm phán 21 FTA, đang đàm phán 8 FTA khác), Nhật Bản (đã có 13 và đang đàm phán 10 FTA), Hàn Quốc (đã thực hiện/hoàn tất 10 FTA; đang đàm phán 11 FTA), Malaysia (đã thực hiện 11 và đang đàm phán 6 FTA), v.v... (hình bên)

Các tầng nấc liên kết kinh tế chính ở Châu Á - Thái Bình Dương



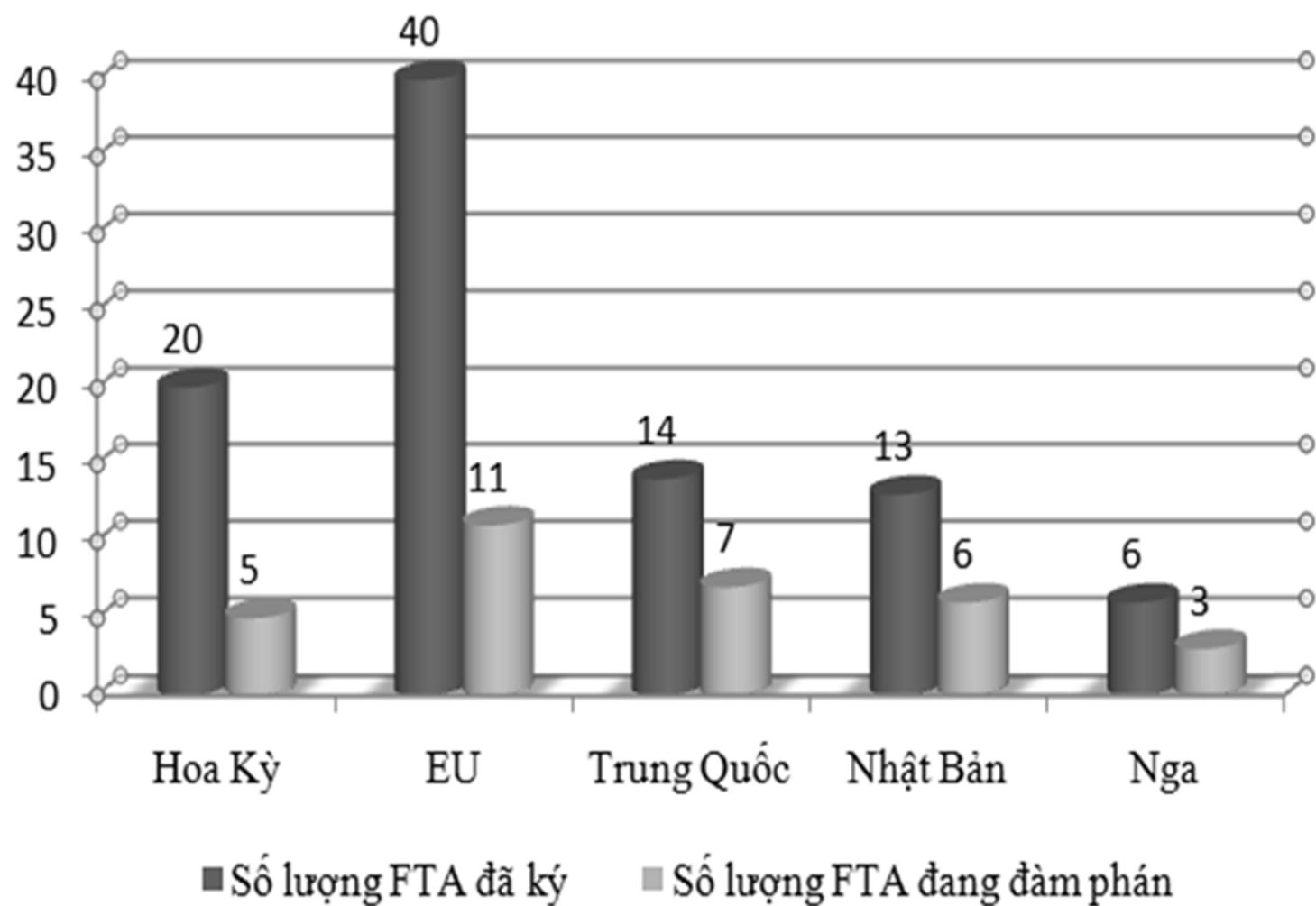
2. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XU HƯỚNG FTA [*]

- 2.1. Một là, do tác động của *cách mạng khoa học - công nghệ* và quá trình *toàn cầu hóa* các quá trình sản xuất khu vực và toàn cầu, thương mại thế giới từ đầu thập kỷ 1990 tới nay đã có những biến đổi to lớn, đặc biệt đã hình thành các mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, hàng hóa trung gian hiện nay chiếm tới trên 50% khối lượng giao dịch thương mại thế giới (không kể dầu lửa).[*]
- 2.2. Hai là, khủng hoảng tài chính châu Á 1997 - 1998 và đặc biệt là khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu 2008 - 2009 đã tạo những chuyên dịch căn bản trong nền tảng kinh tế thế giới và tương quan lực lượng giữa các quốc gia. Vị thế siêu cường duy nhất và sức mạnh kinh tế của Hoa Kỳ bị thách thức và suy giảm tương đối; EU chịu tác động của nợ công kéo dài, trong khi Trung Quốc vươn lên mạnh mẽ về mọi mặt và vai trò của các nền kinh tế mới nổi, như Brazil, Nga, Ấn Độ, Nam Phi gia tăng đáng kể.[*]

2.3. Ba là, tập hợp lực lượng và chiến lược của các nước lớn là một nhân tố quan trọng thúc đẩy tiến trình liên kết giữa các nước. Từ giữa thập niên 2000 đến nay, sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc khiến các nước đang phát triển tăng cường tập hợp lực lượng đa dạng, nhiều chiều để tránh bị chi phối về mặt kinh tế, thương mại, trong khi các nước công nghiệp phát triển, đặc biệt là tam giác Hoa Kỳ - EU - Nhật Bản, gia sức thúc đẩy FTA với các nước để tìm kiếm đồng minh đối phó với sự vươn lên ngày càng mạnh mẽ của Trung Quốc. [*]

2.4. Bốn là, tiến trình tự do hóa thương mại toàn cầu trong khuôn khổ WTO hoàn toàn ngừng trệ suốt từ năm 2001 đến nay. Với sự tham gia tích cực của các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước BRICS, đàm phán Doha tuy đạt một số kết quả nhất định tại HNBT WTO (Bali, 12/2013), song đến nay chia rẽ sâu sắc giữa một bên là các nước công nghiệp phát triển, và bên kia là các nước đang phát triển, hiện chiếm tới hơn 2/3 số lượng thành viên WTO. [*]
(hình bên)

Các trung tâm kinh tế dẫn dắt hình thành mạng lưới FTA



3. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA CÁC FTA THẾ KỶ 21 [*]

3.1. Một là, chuyển biến rõ nét nhất của các FTA thế kỷ 21 là sự mở rộng nội hàm với nhiều nội dung thuộc “thế hệ mới” (next generation issues), quy mô rộng lớn và mức độ cam kết cao. [*]

Các nội hàm liên kết của FTA ngày càng mở rộng

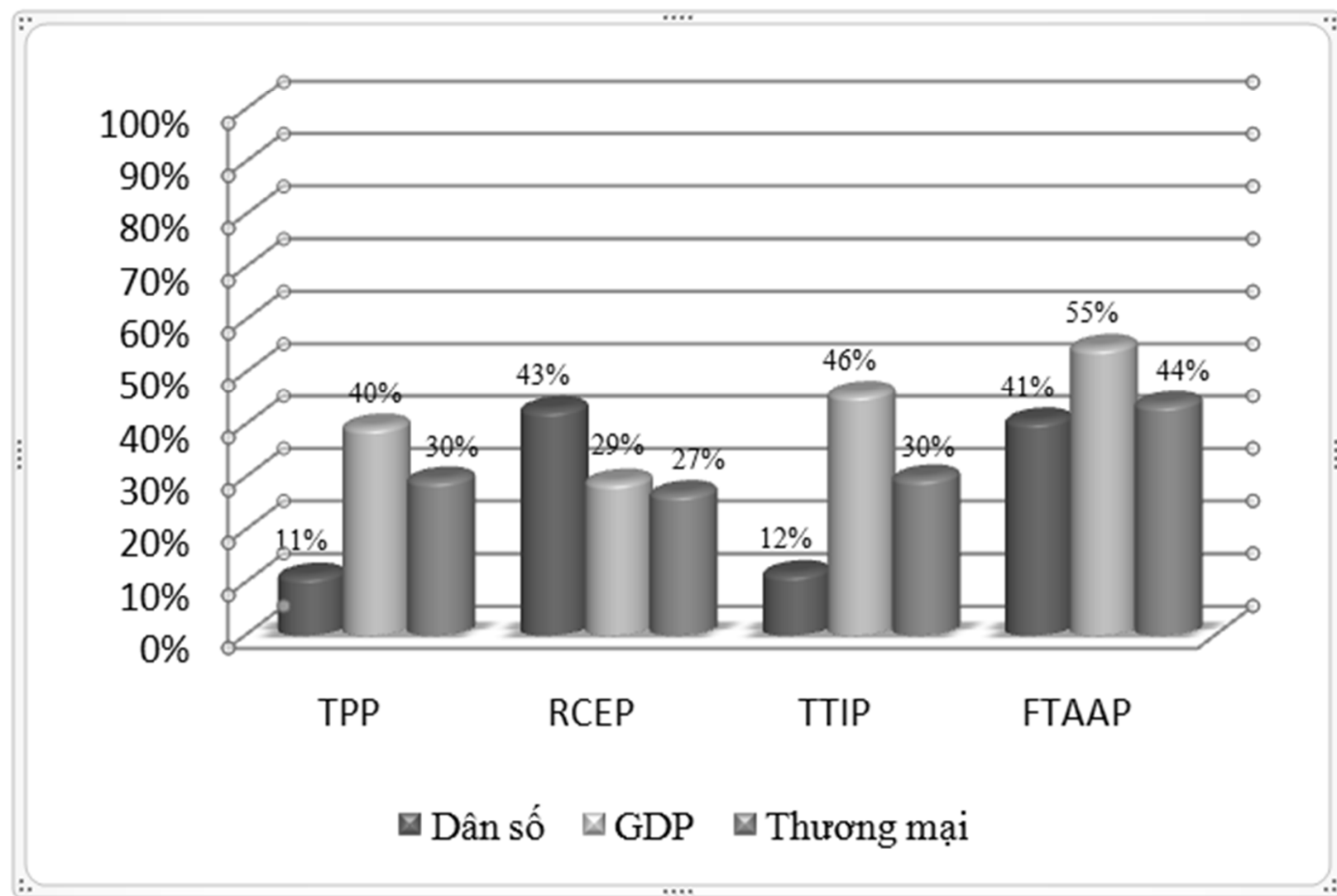
THẾ HỆ FTA	NỘI HÀM			
	Hàng hóa	Dịch vụ và đầu tư	Các vấn đề sau biên giới	Các vấn đề kinh tế, thương mại mới
Thế hệ 1 (Từ giữa thập kỷ 1980 – giữa thập kỷ 1990)	➔			
Thế hệ 2 (Từ giữa thập kỷ 1990 – đầu những năm 2000)	➔	➔		
Thế hệ 3 (Từ đầu những năm 2000)	➔	➔	➔	
Thế hệ 4 (Từ thập kỷ thứ hai thế kỷ 21)	➔	➔	➔	➔

Trong 3 năm qua, hàng loạt *các FTA thế hệ 4* đan xen các FTA thế hệ 3, với nội dung sâu rộng và mức độ cam kết cao hơn, quy mô và tiềm năng rộng lớn hơn (mega FTAs) được khởi động, tạo ra những bước ngoặt trong LKKT ở hầu hết các khu vực. Các FTA này có đặc điểm chính là:

- (i) Mở cửa thị trường toàn diện;
- (ii) Thúc đẩy các chuỗi sản xuất, cung ứng toàn khu vực;
- (iii) Mở rộng sang các vấn đề kinh tế, thương mại thế hệ mới, như đồng bộ chính sách, doanh nghiệp nhà nước, phát triển bền vững, các vấn đề liên quan đến công nghệ mới (công nghệ điện tử trong thương mại, điện toán đám mây);
- (iv) Hiệp định mở (living agreement) nhằm điều chỉnh các cam kết phù hợp với phát triển của công nghệ, thương mại và tiềm năng mở rộng thành viên.

- Nổi bật trong các FTA thế hệ 4 là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) mà Việt Nam đang tham gia. Đàm phán TPP được khởi động từ tháng 3/2010, là liên kết có nhiều tiềm năng, tầm ảnh hưởng sâu rộng.
- Qua 3 lần kết nạp thành viên mới (Malaysia năm 2010, Mexico và Canada năm 2012, và Nhật Bản tháng 5/2013), đến nay đàm phán có sự tham gia của 12 trong tổng số 21 thành viên APEC, trong đó có 5 thành viên Nhóm G-20, chiếm 11% dân số, 40% GDP và 1/3 thương mại toàn cầu.
- Nhiều thành viên là tâm điểm mạng lưới FTA, như Hoa Kỳ, Australia, New Zealand, Singapore, Chile. Hiện một số nền kinh tế thành viên APEC khác, như Hàn Quốc, Đài Loan, Philippin, Thái Lan, Colombia, Costa Rica ... bày tỏ nguyện vọng hoặc đang vận động để sớm tham gia TPP.
- Ngoài TPP, các FTA quan trọng khác đang đàm phán, gồm Hiệp định Đối tác thương mại & đầu tư xuyên Đại Tây Dương (TTIP) giữa Hoa Kỳ và EU (khởi động tháng 6/2013); FTA giữa 03 nước Đông Bắc Á (Trung Quốc – Nhật Bản - Hàn Quốc) được khởi động tháng 11/2012; và Hiệp định Đối tác khu vực toàn diện (RCEP) giữa ASEAN với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ Australia và New Zealand. (hình bên)

Hình 1: Tiềm năng của các Mega-FTAs (% toàn cầu)



3.2. Hai là, nếu như trước đây liên kết FTA chỉ giữa các nước có trình độ phát triển tương đương (phát triển với phát triển, đang phát triển với đang phát triển), thì nay xuất hiện ngày càng nhiều các liên kết FTA “Bắc - Nam” giữa các nước phát triển và đang phát triển.

3.3. Ba là, kể từ 2010 đến nay xuất hiện ngày càng nhiều các FTA “xuyên lục địa”, “xuyên đại dương”, như Hiệp định TPP và Hiệp định TTIP ... Nguyên nhân chính là do tác động của cách mạng KH - CN và xu thế toàn cầu hóa, vị trí địa lý gần nhau không còn là điều kiện tiên quyết cho việc hình thành FTA như trước.

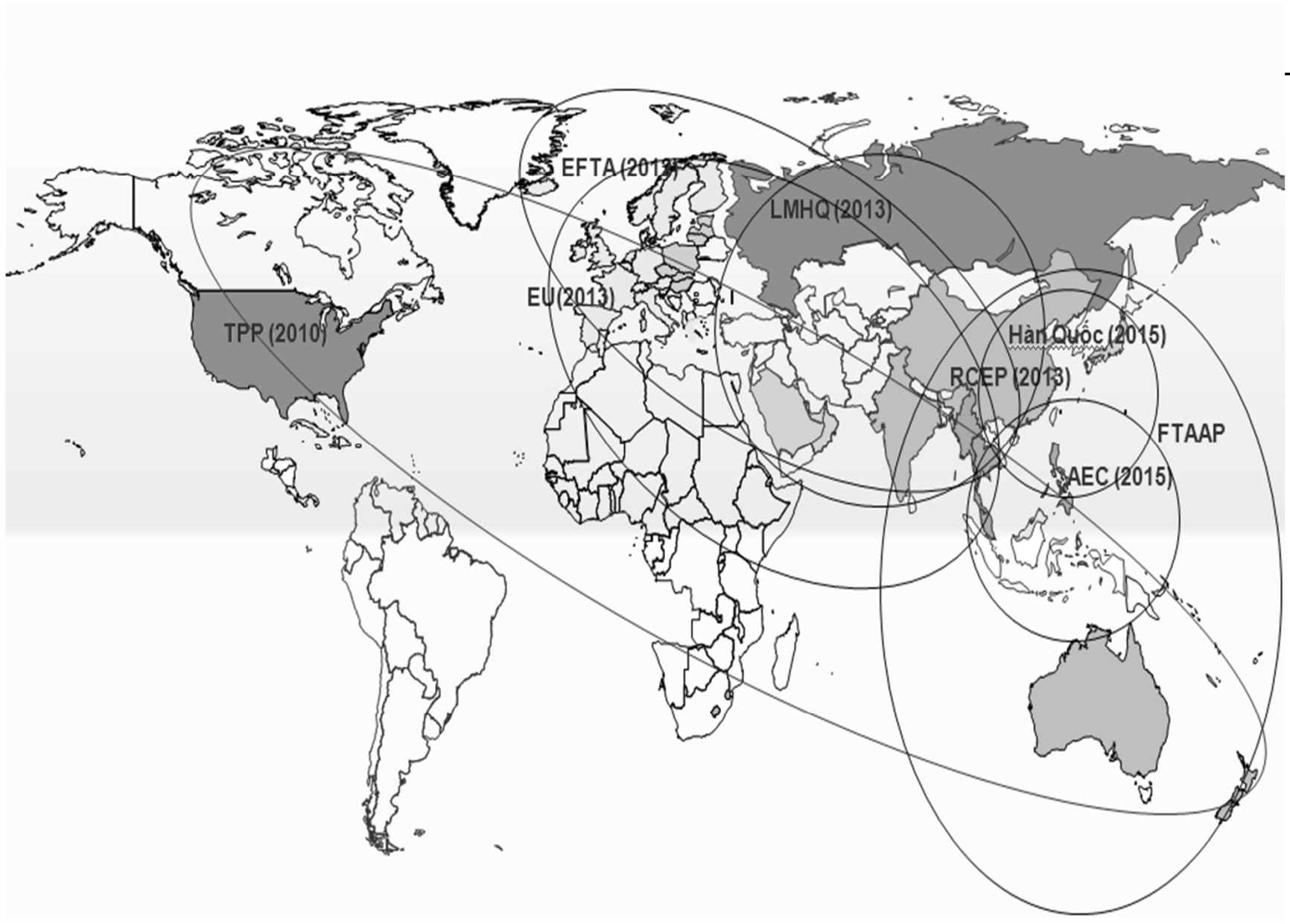
3.4. Bốn là, các nước công nghiệp phát triển giữ vai trò chi phối trong xu hướng FTA. Đặc biệt, Hoa Kỳ và EU đóng vai trò chủ đạo và cạnh tranh lẫn nhau trong xu thế FTA mới, nhằm triển khai chiến lược thâm nhập các thị trường đang phát triển. Nếu như Hoa Kỳ đã mở ra các thị trường mới với Bắc Mỹ (Khu vực thương mại tự do Bắc Mỹ, NAFTA) và Mỹ La-tinh (Khu vực thương mại tự do châu Mỹ, FTAA), EU cũng đã hoặc đang hoàn tất các đàm phán với Canada, Mexico, khu vực Trung Mỹ, Cộng đồng Andean (Bolivia, Colombia, Ecuador, Peru) và Mercosur. [*]

3.5. Năm là, Xu hướng mới xuất hiện từ năm 2012 là các đối tác thương mại lớn bắt đầu thúc đẩy đàm phán các FTA với nhau, điều chưa từng có trước đây. Đặc biệt, 3 trung tâm kinh tế lớn hàng đầu là Hoa Kỳ - EU - Nhật Bản đều đã khởi động các tiến trình đàm phán để mở ra quan hệ FTA dưới những tên gọi, hình thức khác nhau. **Trung Quốc cũng chủ động thúc đẩy FTA với Nhật Bản và Hàn Quốc**, đồng thời tỏ sẵn sàng đàm phán FTA song phương hoặc nhiều bên với các nước **BRICS**. Các nước này cũng đang hợp sức cùng **Ấn Độ, Australia, New Zealand** và **ASEAN** đàm phán Hiệp định **RCEP** nhằm giữ cân bằng với các đề xuất của Hoa Kỳ và EU tại khu vực.

II. SỰ THAM GIA CỦA VIỆT NAM - NHỮNG LỢI ÍCH VÀ HẠN CHẾ

1. Tình hình triển khai các FTA của Việt Nam

1.1. *Tính đến nay, Việt Nam đã ký kết 8 FTA khu vực, song phương (gồm Hiệp định AFTA; 5 FTA giữa ASEAN với các đối tác Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia/New Zealand; và các FTA song phương với Nhật Bản và Chile); và hiện đang tiến đàm phán đồng thời 6 FTA với các đối tác lớn gồm Hoa Kỳ, EU, Liên minh Hải quan, Khối EFTA (Na Uy, Thụy Sĩ, Iceland và Liechtenstein), Hàn Quốc và RCEP. [*] (hình bên)*



1.2. So với các nước khác ở Đông Á và trong ASEAN, Việt Nam được coi là nước tham gia muộn vào trào lưu FTA.

Dấu mốc đầu tiên trong quá trình HNKQT của nước ta là gia nhập ASEAN vào năm 1995 và cùng ASEAN ký kết Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA). Tiếp đó là các FTA giữa ASEAN với các đối tác. Các FTA giữa ASEAN với Trung Quốc (ACFTA), Hàn Quốc (AKFTA), Australia – New Zealand (AANZFTA), Nhật Bản (AJCEP), Ấn Độ (AIFTA).[*]

1.3. Tuy nhiên, giai đoạn từ năm 2010 đến nay, ta lần lượt tham gia đàm phán với các đối tác lớn như nêu trên với các nội dung cam kết sâu rộng, toàn diện và thuộc FTA thế hệ mới. Các hiệp định này không chỉ bao gồm các lĩnh vực truyền thống, mà còn đề cập đến nhiều nội dung mới, phi kinh tế - thương mại như mua sắm chính phủ, phát triển bền vững (gồm lao động và môi trường), doanh nghiệp nhà nước, minh bạch hóa, chống tham nhũng, gắn kết môi trường chính sách (regulatory coherence) ... [*]

1.4. Về EVFTA:

- + Trên phương diện kinh tế, FTA song phương giữa Việt Nam và EU dự kiến sẽ mang lại những lợi ích kinh tế không nhỏ cho cả hai bên. Đối với Việt Nam, những lợi ích chính là:
- + Thứ nhất, EVFTA sẽ là một cú hích quan trọng để Việt Nam tiếp tục thúc đẩy quan hệ KT - TM với EU, đối tác thương mại lớn thứ 2 của ta.
- + Với quy mô dân số trên 500 triệu người và GDP hơn 17.000 tỷ USD, EU là một thị trường lớn đối với doanh nghiệp của tất cả các nước, trong đó có Việt Nam.
- + Hiện tại, xuất khẩu của Việt Nam sang EU mới chỉ đạt 0,8% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU, trong đó chỉ có 42% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU được hưởng mức thuế 0% (kể cả các mặt hàng thuộc Chương trình ưu đãi thuế quan phổ cập - GSP). Tỷ lệ này của một số nước ASEAN lên tới 80 - 85%. Như vậy, hai bên có tiềm năng phát triển mạnh quan hệ KT - TM sau khi có FTA.
- + Thứ hai, việc thiết lập FTA với EU sẽ góp phần tạo môi trường kinh doanh, đầu tư cởi mở, thông thoáng hơn, từ đó thúc đẩy FDI từ EU và các nước khác vào nước ta. Với EVFTA, Việt Nam sẽ là cầu nối, gắn kết EU chặt chẽ hơn, nhất là về KT - TM với khu vực và ASEAN.

2. NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG THAM GIA FTA [*]

2. 1. Những lợi ích

(i) Những lợi ích - chiến lược:

- *Việc Việt Nam tích cực tham gia các FTA trong thời gian qua đã góp phần nâng cao vị thế đất nước, đẩy mạnh một bước triển khai chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại và bảo đảm môi trường hoà bình, ổn định phục vụ phát triển kinh tế và củng cố an ninh, quốc phòng của đất nước.*

- Việc ta cùng các nước ASEAN đàm phán và ký kết các hiệp định trong khuôn khổ hợp tác kinh tế ASEAN và giữa ASEAN với các nước đối tác đã góp phần củng cố đoàn kết và phát triển ASEAN, tạo nên tăng quan trọng hướng tới hình thành Cộng đồng ASEAN vào 2015, qua đó tăng cường vai trò và vị thế của Khối trong các cơ chế hợp tác và liên kết ở khu vực.

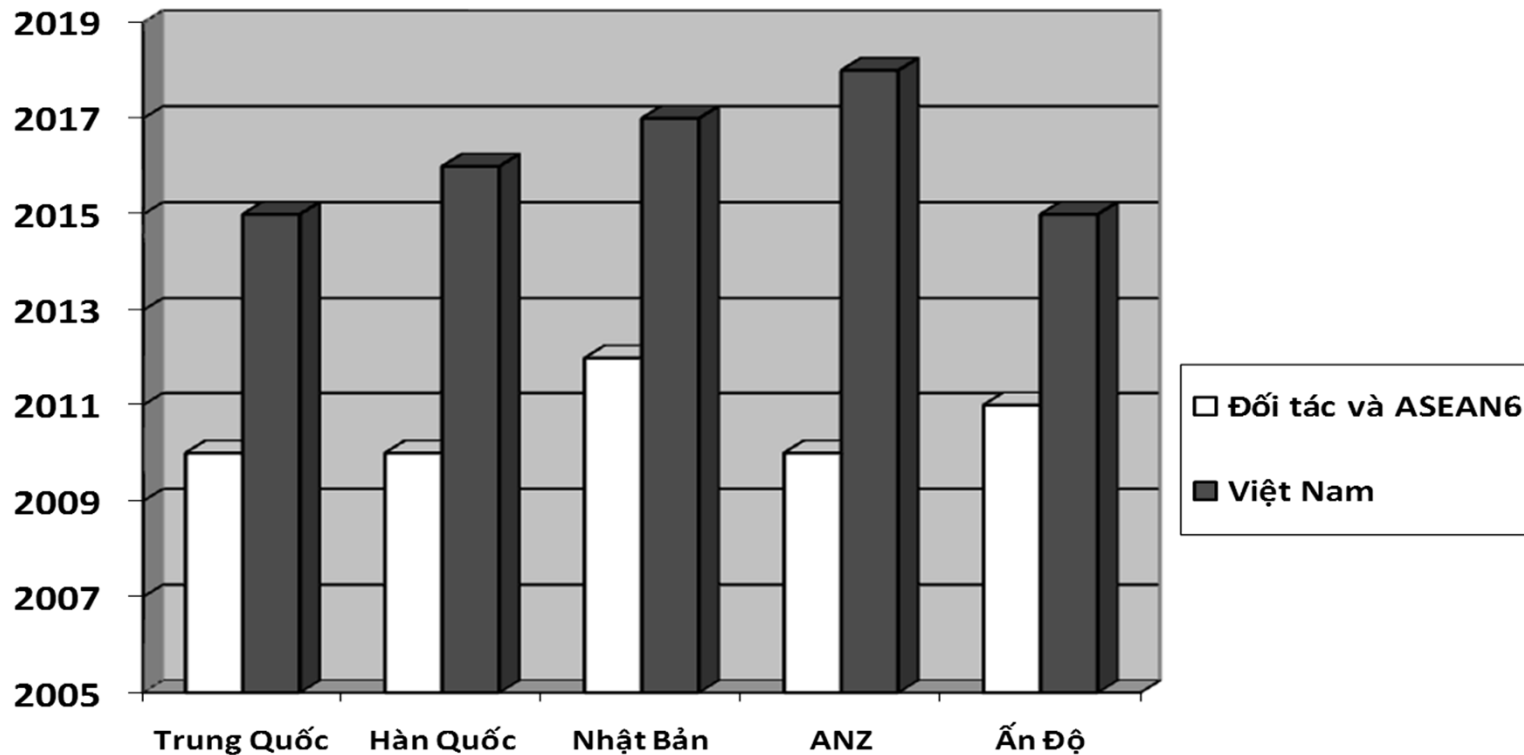
- Việc ta lần đầu tiên triển khai đồng thời các FTA với những đối tác hàng đầu thế giới nhất hiện nay, đặc biệt là Hoa Kỳ, EU, Nga, có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần tăng cường đan xen các lợi ích, nhất là về kinh tế - thương mại, với các đối tác chủ chốt, đồng thời giảm bớt những bất đồng kinh tế có thể dẫn đến những vấn đề chính trị. [*]

(ii) Lợi ích kinh tế - thương mại:

- *Các FTA đã ký kết tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế của Việt Nam* thông qua sự gia tăng kim ngạch xuất khẩu, tỷ trọng thương mại dịch vụ trong tăng trưởng kinh tế, tạo thuận lợi cho tự do hóa thương mại, cải thiện cán cân thương mại giữa Việt Nam với các nước ASEAN và một số đối tác khác. [*]
- *Về cơ bản, các FTA mà Việt Nam đã tham gia, ký kết đã góp phần đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc nền kinh tế*, tăng cường quan hệ kinh tế - thương mại song phương với các đối tác khu vực, nhất là trong những lĩnh vực mà WTO chưa đề cập, đồng thời tạo thuận lợi cho Việt Nam mở rộng và duy trì thị trường xuất khẩu ổn định và đáp ứng thỏa đáng nhu cầu nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị và công nghệ phục vụ phát triển sản xuất trong nước.
- *Các FTA đã ký kết cũng góp phần thúc đẩy môi trường kinh doanh minh bạch, mở rộng và hài hòa tiêu chuẩn, quy định trong thương mại* và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường.

- ***Hiệu ứng tích cực của các FTA giữa Việt Nam với các đối tác là giúp ta tham gia sâu và hiệu quả hơn vào các chuỗi giá trị & mạng sản xuất khu vực và toàn cầu, đồng thời góp phần đa dạng hoá mặt hàng xuất khẩu của nước ta sang thị trường các đối tác, nhất là ASEAN, Ấn Độ và Nhật Bản.[*]***
- ***Thông qua các FTA đã ký kết, năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam đã được nâng lên một bước. Năng lực cạnh tranh của hàng hóa, doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam cũng được cải thiện đáng kể do khả năng tiếp cận các thị trường xuất khẩu với mức thuế quan ưu đãi, đồng thời giảm được chi phí sản xuất nhờ chuyển giao công nghệ và nhập khẩu các yếu tố đầu vào với giá rẻ hơn.***
- ***Các FTA đã ký kết góp phần mở rộng và tăng cường hợp tác, liên kết kinh tế và tài chính giữa Việt Nam với các nước trong khu vực, đặc biệt là với các nước ASEAN, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho phát triển kinh tế - xã hội trong nước.***

- Các FTA đã ký kết *góp phần mở rộng và tăng cường hợp tác, liên kết kinh tế và tài chính giữa Việt Nam với các nước trong khu vực*, đặc biệt là với các nước ASEAN, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho phát triển kinh tế - xã hội trong nước.



(iii) Riêng đối với EVFTA:

- Trên phương diện kinh tế, cơ cấu kinh tế của Việt Nam và Liên minh Châu Âu có tính bổ trợ lẫn nhau cao hơn nhiều tính cạnh tranh, đối đầu.

- × Nhu cầu nhập khẩu của EU phần lớn là giày da, dệt may, cà phê hạt xanh, đồ gỗ, hải sản (chiếm gần 80% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU). Đây là những mặt hàng Việt Nam có lợi thế so sánh và đã tạo được uy tín khá vững chắc đối với người tiêu dùng EU;
- × Trong khi đó, ta chủ yếu nhập khẩu các mặt hàng máy móc, thiết bị phụ tùng, phương tiện vận tải và phụ tùng, dược phẩm, nguyên vật liệu dệt may, phân bón ... từ EU.
- × Năm 2013, tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đạt khoảng 33,8 tỷ USD, tăng 16,11% so với năm 2012, trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang EU đạt 24,4 tỷ USD và nhập khẩu từ EU đạt 9,4 tỷ USD.

- Do đó, **FTA Việt Nam - EU dự kiến sẽ mang lại những lợi ích kinh tế không nhỏ cho cả hai bên.** Đối với ta, những lợi ích chính là:

- + *Thứ nhất, EVFTA sẽ là một cú hích quan trọng để Việt Nam tiếp tục thúc đẩy quan hệ KT - TM với EU, đối tác thương mại lớn thứ 2 của Việt Nam.*
- + *Với quy mô dân số trên 500 triệu người và GDP hơn 17.000 tỷ USD, EU là một thị trường lớn đối với doanh nghiệp của tất cả các nước, trong đó có Việt Nam.*
- + *Hiện tại, xuất khẩu của Việt Nam sang EU mới chỉ đạt 0,8% tổng kim ngạch nhập khẩu của EU, trong đó chỉ có 42% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU được hưởng mức thuế 0% (kể cả các mặt hàng thuộc Chương trình ưu đãi thuế quan phổ cập - GSP). Tỷ lệ này của một số nước ASEAN lên tới 80 - 85%. Như vậy, hai bên có tiềm năng phát triển mạnh quan hệ KT - TM sau khi có FTA.*
- + *Thứ hai, việc thiết lập FTA với EU chắc chắn sẽ góp phần vào quá trình tạo ra môi trường kinh doanh, đầu tư cởi mở, thông thoáng hơn, từ đó thúc đẩy FDI từ EU và các nước khác vào ta. Với EVFTA, Việt Nam sẽ là cầu nối, gắn kết EU chặt chẽ hơn, nhất là về KT - TM với khu vực và Khối ASEAN.*

2.2. Những hạn chế

- Chưa thực sự chủ động, chưa có chiến lược rõ ràng khi tham gia các FTA, và đặc biệt là chưa có sự chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước. [*]
- Chưa tận dụng đầy đủ các ưu đãi, các cơ hội từ các FTA mà ta tham gia để duy trì mức tăng trưởng xuất khẩu cao sang thị trường của các đối tác. [*]
- Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam chưa có chuyển biến mạnh, vẫn tập trung chủ yếu vào các mặt hàng nông sản, công nghiệp thâm dụng lao động và các mặt hàng nguyên, nhiên vật liệu. Đặc biệt, xuất khẩu một số sản phẩm như cao su, dứa, rau quả, than đá ... tập trung quá lớn vào thị trường Trung Quốc (chiếm trên 70% tổng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này), gia tăng nguy cơ phụ thuộc và rủi ro khi đối tác giảm hoặc ngừng nhập khẩu.

- ***Chưa chủ động xây dựng các biện pháp phòng vệ thương mại, các hàng rào kỹ thuật hữu hiệu***, như biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm, thủ tục kê khai hải quan, quy định chống hàng giả, hàng nhái ... để đối phó với việc các đối tác đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá vào Việt Nam. Do đó, ở mức độ nhất định, là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tình trạng nhập siêu của Việt Nam, tác động tiêu cực đến năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam trong cả ngắn và trung hạn. [*]
- ***Hàng hóa, dịch vụ của ta chịu sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt ngay trên thị trường nội địa, trong khi năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam còn hạn chế***, thiếu thông tin về thị trường và tập tục kinh doanh của các nước ... để có thể tận dụng được thị trường các đối tác thông qua các FTA.
- ***Tự do hóa thương mại và đầu tư theo các cam kết FTA cũng làm gia tăng thách thức đối với phát triển bền vững, cạn kiệt dần nguồn tài nguyên***, tác động bất lợi đối với nền kinh tế. Bên cạnh các yếu tố tích cực, dòng vốn FDI từ một số nước ASEAN+, nhất là Trung Quốc, thường đi kèm với nguyên liệu, máy móc, thiết bị và công nghệ lạc hậu.
- Từ năm 2007, vốn FDI của Trung Quốc và một số đối tác mà ta đã ký FTA vào Việt Nam chủ yếu tập trung vào lĩnh vực khai thác tài nguyên, khoáng sản và kinh doanh nhà hàng, khách sạn. Đây là những lĩnh vực có hệ số bảo hộ cao, tỷ suất lợi nhuận lớn, ***làm tăng nguy cơ thâm dụng tài nguyên và giảm nguồn hàng xuất khẩu của khu vực FDI.***

III. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP SÂU RỘNG VÀ TOÀN DIỆN [*]

1. Các vấn đề nội dung đàm phán

- Các đàm phán hiện nay đều là các đàm phán phức tạp, với đầy đủ các yếu tố của FTA thế hệ mới, đặc biệt là TPP và EVFTA.
- Bên cạnh các nội dung kinh tế - thương mại, các đàm phán hiện nay bao hàm cả các nội dung phi thương mại, phức tạp, nhạy cảm và có thể có tác động đến thể chế của ta như phát triển bền vững (lao động, môi trường), chống tham nhũng. Việc bảo đảm đầy đủ lợi ích trong đàm phán các nội dung này đặt ra cho ta nhiều thách thức.

2. Công tác chuẩn bị trong nước

Sự chuẩn bị trong nước của ta đến nay còn nhiều bất cập, chưa theo kịp với tiến trình HNKTQT, nhất là tận dụng các cơ hội của các FTA.

- Quá trình hoàn thiện thể chế pháp lý còn chậm; cách quản lý còn mang nặng tính hành chính, gây trở ngại cho tiến trình hội nhập và tạo sức bật cho nền kinh tế. [*]
- Quy trình ra quyết định chính sách chưa kịp thời, sự tham gia của các địa phương và doanh nghiệp còn thụ động, hạn chế. [*]
- Sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả, nhất là trong phổ biến những chủ trương, chính sách lớn về kinh tế - thương mại, lộ trình thực hiện cam kết trong WTO và các FTA đã ký kết

IV. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẦN TRIỂN KHAI TRONG THỜI GIAN TỚI

- 1. *Khẩn trương quán triệt, cụ thể hóa và triển khai chủ trương của Nghị quyết 22-NQ/TU của Bộ Chính trị, xác định HNKTQT là trọng tâm của HNQT, trong đó chú trọng xây dựng các định hướng, chính sách lớn về HNKTQT, Chiến lược HNKTQT đến năm 2020 ... Đây là trọng tâm hàng đầu để triển khai đúng hướng và kịp thời các ưu tiên của HNKTQT.***
- 2. *Nỗ lực hoàn tất các cam kết quốc tế lớn có thời hạn vào 2015 – 2020 nhằm nâng tầm HNKTQT của nước ta, trong đó ưu tiên:***
 - Hoàn tất Lộ trình xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN và các cam kết xây dựng Cộng đồng ASEAN, chủ động tham gia đề xuất, xây dựng biện pháp và lộ trình triển khai Tầm nhìn ASEAN sau 2015;
 - Đẩy mạnh triển khai hoàn tất các cam kết gia nhập WTO (thời hạn là 31/12/2018), tích cực tham gia thúc đẩy Vòng đàm phán Doha;
 - Triển khai mạnh mẽ và hiệu quả Chiến lược FTA, đánh dấu bước chuyển mới của HNKTQT đi vào chiều sâu, góp phần triển khai sâu sắc hơn chủ trương đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại của nước ta nói chung và quan hệ kinh tế đối ngoại nói riêng;

3. Tạo đột phá căn bản về chuẩn bị trong nước để HNKTQT theo hướng bài bản, chủ động. Đây là yêu tố then chốt quyết định khả năng tận dụng những lợi ích mà các FTA có thể mang lại. ~~*Trước mắt, ta cần tập trung:*~~

- + Tăng cường hiệu quả phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp nhằm tạo sự đồng thuận và đồng bộ trong triển khai HNKTQT, trong đó có việc hoàn tất và thực thi các FTA;
- + Rà soát và xây dựng lộ trình hoàn thiện thể chế pháp luật hướng tới hài hòa hóa chính sách với các cam kết quốc tế;
- + Đẩy mạnh nâng cao năng lực thực thi HNKTQT, nhất là cam kết trong các FTA đã và sắp ký kết, của các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp;
- + Tăng cường nâng cao nhận thức, tham vấn, thúc đẩy sự tham gia của các địa phương, doanh nghiệp vào các hoạt động HNKTQT, nhất là chủ động khai thác những lợi ích của các FTA;
- + Nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ các chuyên gia về đàm phán, luật pháp quốc tế, nhất là trong lĩnh vực kinh tế thương mại để hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp trong xử lý các tranh chấp, vướng mắc kinh tế - thương mại.

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN !